

GIÁ TRỊ CỦA TAM HỌC VÀ GIẢI THOÁT CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CUỘC SỐNG HIỆN NAY

Tóm tắt: Bài viết trình bày những nội dung cơ bản của Giới, Định, Tuệ (Tam học) của Phật giáo trong sự so sánh với quan niệm về đạo đức, tri thức của một số triết gia Phương Tây như Socrates, Jean Jacques Rousseau, Immanuel Kant để đưa ra nhận định, Tam học là sự kết hợp giữa đạo đức và trí tuệ bằng Thiền định đã thể hiện đặc điểm về giải thoát của Phật giáo.

Từ khóa: Tam học (Giới, Định, Tuệ), giải thoát, Phật giáo.

Kinh điển của Phật giáo dù cho lưu truyền tám vạn bốn nghìn đi nữa thì cũng không ra ngoài Tam học (Tisrah sikkhah/ Tisrah siksah). Tam học còn gọi là Tam vô lậu học, gồm Giới, Định và Tuệ, là quá trình tu tập mà bất cứ ai hướng về Phật giáo, muốn từ bỏ mọi phiền não của thế gian, dù xuất gia hay tại gia đều không thể không trải qua. Người ta cho rằng, Tam học là sự quy nạp của Bát chính đạo (Ariyo Atthangiko maggo/ Aryastangamarga). Chẳng hạn như chính kiến, chính tư duy thuộc về Tuệ; chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến thuộc về Giới; chính niệm, chính định thuộc về Định.

Tuy nhiên, những pháp môn quan trọng khác như Lục độ, Tứ niệm xứ cũng chỉ là những con đường khác nhau nhưng đều hướng về mục tiêu chung. *Kinh Dịch* gọi đó là “đồng quy nhi thù đồ”. Giải thoát (Moksha/ Vimoksha/ Vimukti/ Mukti) là điểm đồng quy của mọi con đường khác nhau đó.

Bồ thí, trì giới, nhẫn nại trong Lục độ (Paramita¹) thuộc về Giới, còn lại thuộc về Định và Tuệ.

Tứ niệm xứ (Satipatthana/ Satyupasthana) là niệm Thân vô tịnh, Thọ khổ, Tâm vô thường, Pháp vô ngã. Thân và Thọ thuộc về Giới, Tâm và Pháp thuộc về Tuệ. Định (Niệm) xuyên suốt cả Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

* Nhà nghiên cứu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, Tam học không chỉ là sự quy giản của Bát chính đạo, mà còn là sự quy giản của toàn bộ Phật giáo.

Giới (Sila) là giới luật Phật giáo, gồm nhiều loại: Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, Cụ túc giới, Bồ tát giới². Giới có thể chia thành hai loại: Chỉ trì giới và Tác trì giới. Chỉ trì giới là ngăn chặn những điều ác, Tác trì giới là thực hành những điều thiện. Nhưng giới luật ở đây có nghĩa là tự kiểm chế bản thân (luật kỷ) chứ không phải luật tha. Cho nên, Giới thuộc về đạo đức hơn là pháp luật. Thực ra, đạo đức và pháp luật cũng là anh em cùng cha khác mẹ đầy thôi. Platon chẳng đã cho rằng, luật pháp là đạo đức không có tình cảm đó sao? Đạo đức và pháp luật là sản phẩm của con người. Nó là chiếc phao giúp con người tồn tại và phát triển trong sóng gió cuộc đời, đồng thời cũng là sợi dây ràng buộc của con người đối với con người.

Định (Dhyana) là thiền định, tĩnh lự. Phật giáo Nam tông có Tứ thiền và Tứ vô sắc định, Phật giáo Bắc tông có Niệm Phật thiền và Thực tướng thiền.

Tuệ là trí tuệ bát nhã, là sự giác ngộ sâu sắc đạo lý của vũ trụ và nhân sinh. Tuệ (Prajna, tiếng Anh là Wisdom) khác với tri thức (Vijnana, tiếng Anh là Knowledge). Tri thức không những không bao hàm Tuệ, mà còn bị liệt vào một trong ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Tuệ là sự thăng hoa của tri thức. Tri thức có thể truyền đạt từ người này sang người khác, nhưng Tuệ là sự tự cảm nhận.

Trong Tam học, đạo đức và trí tuệ đã chiếm hai phần ba. Định là thiền định, thiền định không phải là sáng tạo của Phật giáo, nhưng Định được dùng để nối kết giữa đạo đức và trí tuệ lại là điểm độc đáo chỉ có ở Phật giáo. Hơn nữa, cần lưu ý rằng, trong Tam học chỉ có thuật ngữ trí tuệ (Wisdom) chứ không phải là thuật ngữ tri thức (Knowledge).

Ở Phương Tây, từ thời cổ đại Hy Lạp, Socrates thường nói đến quan hệ giữa tri thức (chứ không phải trí tuệ) và đạo đức. Tuy nhiên, Socrates lại đồng nhất đạo đức và tri thức, nói đúng hơn là hòa tan đạo đức vào tri thức. Ông đã đặt giá trị của tri thức ở hàng đầu của mọi giá trị. Theo ông, không có gì tốt hơn tri thức và cũng không có gì tệ hại hơn là ngu dốt.

Phương Tây quan tâm giải quyết vấn đề quan hệ giữa con người và tự nhiên hơn là vấn đề quan hệ giữa con người và con người. Socrates đề cao giá trị của tri thức cũng chẳng có gì là lạ. Bởi vì, tri thức, lý tính,

khoa học là chìa khóa để con người nhận thức, khai thác tự nhiên, phát triển kinh tế đem lại cho con người đời sống vật chất đầy đủ hơn. Đạo đức là luật kỷ, kinh tế là lợi kỷ. Lợi kỷ xem ra có phần hấp dẫn hơn là luật kỷ. Cho nên, đạo đức có hòa tan vào tri thức hay biến mất đi nữa cũng chẳng quan trọng lắm đâu! Chẳng trách, J. J. Rousseau than thở rằng, nền giáo dục nước Pháp thế kỷ XVIII đã đi sai đường, vì ra sức đào tạo trẻ em khôn lên chứ không phải tốt lên. Thậm chí, Friedrich Nietzsche còn muốn từ giã vị Thượng Đế luôn hứa hẹn sẽ bù lại một cuộc sống Thiên Đường ở thế giới bên kia nếu con người chấp nhận một cuộc sống lầm than ở thế giới bên này. Ông tuyên bố: “Thượng Đế đã chết”. Khi Thượng Đế đã ra đi thì đạo đức luật kỷ kia ở lại làm gì: “Đạo đức tốt nhất là không có đạo đức”. Đạo đức luật kỷ đã ra đi thì luật pháp, cho dù là luật tha đi nữa, cũng sẽ được thay thế. Nhưng dẫu sao, luật pháp cũng chỉ quản lý cái tối thiểu chứ không quản lý cái tối đa như đạo đức. Cho nên, Phương Tây cho dù hòa tan đạo đức vào tri thức, để rồi tri thức, lý tính, khoa học trở thành đôi đũa thần đem lại đời sống vật chất, kinh tế đầy đủ cho con người, nhưng đồng thời cũng biến con người thành con người kinh tế. Đạo đức là luật kỷ, kinh tế là lợi kỷ, luật và lợi bắt tay nhau làm cho con người kinh tế dẫu sao cũng có được không gian tự do nào đó. Tuy nhiên, cái gọi là tự do hay giải thoát thực sự thì e rằng còn lâu. Nếu không phải vậy thì tại sao ngay ở trang mở đầu của tác phẩm *Khế ước xã hội*, J. J. Rousseau đã phải thốt lên: “Con người sinh ra vốn tự do nhưng đâu đâu cũng bị kìm kẹp”. Tuy vậy, con người kinh tế xem ra vẫn còn dễ thở hơn con người chính trị ở Phương Đông.

Nói đến con người chính trị không thể không nói đến Nho giáo. Bởi vì, con người chính trị là sản phẩm không phải của ai khác mà chính là của Nho giáo. Nho giáo ra đời vào thế kỷ VI trước Công nguyên, ảnh hưởng đến nhiều nước Phương Đông, hình thành ra cái gọi là khu vực văn hóa Nho giáo. Nho giáo là học thuyết về đạo đức, nói đúng hơn là học thuyết về chính trị - đạo đức. Nho giáo nguyên thủy xem đạo đức là mục đích, chính trị là phương tiện. Nhưng 1.500 năm sau, Tống Nho đã làm một cuộc đảo lộn ngoạn mục. Đạo đức không còn là mục đích nữa mà chỉ là phương tiện, chính trị mới là mục đích. Cũng như Nho giáo nguyên thủy, Tống Nho đặt đạo đức cao hơn cả sinh mệnh con người: “Chết đói là việc nhỏ, thất tiết mới là việc lớn” (Nga tử sự tiểu, thất tiết sự đại/ 饿死事小 失节事大, *Trình thị di thư*). Đạo đức được đặt cao hơn sinh mệnh con

người, nhưng lại được đặt dưới chính trị. Nho giáo nguyên thủy luôn đứng về phía đạo đức nếu như đạo đức và chính trị mâu thuẫn, nhưng Tống Nho lại khác. “Đại nghĩa diệt thân” (tiểu nghĩa là đạo đức, đại nghĩa là chính trị) là chiêu bài của Tống Nho dùng để giải quyết khi mâu thuẫn xảy ra giữa đạo đức và chính trị. Chiêu bài “đại nghĩa diệt thân” càng được giương cao bao nhiêu thì phụ tử, huynh đệ càng tương tàn bấy nhiêu. Trong xã hội mà Nước là sự mở rộng của Nhà, Nhà là sự thu hẹp của Nước, thì khi chính trị đối đầu với đạo đức cũng là lúc đạo đức và vô đạo đức trở thành những từ đồng nghĩa trong xã hội gọi là văn minh.

Phật giáo không phải không nói đến kinh tế và chính trị. Dấu sao kinh tế và chính trị cũng chỉ là điều kiện chứ không phải là cứu cánh của giải thoát. Phật giáo cũng không chủ trương “ly thể mịch Bồ Đề”. Nhưng tự do hay giải thoát của Phật giáo cũng có những sắc thái riêng không phải giáo lý nào cũng có. Tam học là sự kết hợp giữa đạo đức và trí tuệ (chứ không phải tri thức) bằng thiền định đã thể hiện đặc điểm về giải thoát của Phật giáo. Có thể kể ra hai đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, giải thoát không phải bắt đầu từ bên ngoài mà bắt đầu từ bên trong. Thiên hạ thường nói với nhau rằng, hoàn cảnh tạo ra con người và con người cũng tạo ra hoàn cảnh. Có thể thay đổi hoàn cảnh, thay đổi thế giới bên ngoài để từ đó thay đổi bản thân con người. Cũng có thể thay đổi bản thân con người để từ đó thay đổi thế giới bên ngoài. Trong hai cách đó, có lẽ giải thoát của Phật giáo theo cách thứ hai. Cần nói thêm rằng, thay đổi thế giới không nhất thiết chỉ bằng hoạt động thực tiễn, mà là thay đổi nhận thức của con người về thế giới. Chẳng hạn như, hôm qua tôi nhìn núi là núi, nhìn sông là sông, hôm nay tôi nhìn núi không phải núi, nhìn sông không phải sông. Ngày mai, tôi lại nhìn núi là núi, nhìn sông là sông. Không phải tôi thay đổi núi sông mà chính là thay đổi nhận thức của tôi về núi sông. Đào núi ngăn sông hay là chinh phục tự nhiên là chuyện dài nhiều tập của khoa học. Còn chuyện thay đổi nhận thức của tôi về thế giới là chuyện của tôi, nằm trong tầm với của tôi. Chẳng trách Hội nghị Phật giáo Thế giới vẫn thường nhắc lại giáo lý giải thoát đặc biệt này của Phật giáo: “A harmonious World begins in the Mind” (Thế giới hài hòa bắt đầu từ trong Tâm), hay “Harmony in Society begins from the Mind” (Sự hài hòa trong xã hội bắt đầu từ Tâm).

Chúng ta còn nhớ đến nhà triết học I. Kant của Đức thế kỷ XVIII tuyên bố rằng, ông đã làm cuộc cách mạng về nhận thức luận theo kiểu

Nicolas Copernic đã làm trong thiên văn học. I. Kant cho rằng, không phải nhận thức của chủ thể phải phù hợp với khách thể mà ngược lại. Không biết I. Kant chịu ảnh hưởng của Phật giáo nhiều hay ít, nhưng điều mà ông tuyên bố về nhận thức luận không hèn mà trở thành bạn đồng hành với giải thoát của Phật giáo.

Người ta đã khắc câu nói nổi tiếng của I. Kant trên bia mộ của ông: “Có hai sự kiện làm cho chúng ta càng suy nghĩ càng cảm thấy bàng hoàng, khiếp sợ, đó là khoảng trống không trên bầu trời và khoảng trống không về chuẩn mực đạo đức trong tâm của chúng ta”. Hai sự kiện, hai khoảng trống mà I. Kant nói đến, đối với ông là hoàn toàn thụ động, nhưng đối với thiên định của Phật giáo thì lại hoàn toàn chủ động. Khoảng không của thiên định bao giờ cũng tạo điều kiện tối ưu để trí tuệ và giải thoát thăng hoa.

Thứ hai, giải thoát bắt đầu từ cá nhân chứ không phải từ cộng đồng. Nếu Tuệ là tự cảm nhận chứ không phải là truyền đạt - tiếp thu. Vậy thì không có cộng đồng nào có thể làm việc đó thay cho cá nhân cả. Nếu như sáng tạo bao giờ cũng bắt đầu từ cá nhân thì giải thoát cũng vậy. Giải thoát là sự sáng tạo của sáng tạo. Trần Thái Tông trong *Khóa hư lục* khẳng định rằng, không có thiên định thì không có trí tuệ, không có trí tuệ thì không có giải thoát.

Tóm lại, đạo đức và trí thức là sản phẩm của con người, không có nó thì con người không thể tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, nếu đạo đức hòa tan vào trí thức hay vào chính trị, thì con người trở thành con người kinh tế hoặc con người chính trị. Phật giáo không phải không bàn đến kinh tế hay chính trị. Chẳng phải Phật giáo đời Trần đã làm cho kinh tế, chính trị của đất nước lúc bấy giờ phát triển mạnh mẽ đó sao? Tuy nhiên, kinh tế, chính trị chỉ là điều kiện chứ không phải là cứu cánh. Nó là ngón tay để chỉ Mặt Trăng chứ không phải bản thân Mặt Trăng. Giải thoát của Phật giáo làm cho con người trở thành con người nhân bản. Tam học của Phật giáo là sự kết hợp giữa đạo đức - trí tuệ và thiên định để giải thoát. Cho nên giải thoát là tự giải thoát. Tam học và giải thoát của Phật giáo đáng để cho cuộc sống hiện nay suy ngẫm./.

CHÚ THÍCH:

¹ Parami trong tiếng Pali có nghĩa là hoàn thiện, hoàn mỹ, dịch sang tiếng Anh là Perfection.

² Ngũ giới là năm điều cấm, gồm sát sinh, trộm cắp, nói dối, tà dâm, uống rượu. Bát giới là tám điều cấm, gồm năm điều cấm nói trên cộng thêm ba điều: không tô son trát phấn, xúc dầu thơm, nhảy múa ca hát; không nằm giường quá cao rộng; không ăn ngoài giờ quy định.

Thập giới là mười điều cấm, gồm tám điều cấm nói trên cộng thêm hai điều: không tàng trữ của cải, không ăn quá ngộ.

Cụ túc giới (Upasampada) còn gọi là Cận viên giới, giới luật của Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Đối với Tỳ kheo gồm có 250 điều, đối với Tỳ kheo ni gồm có 348 điều. Nhưng giới luật cơ bản vẫn không ngoài sát (sát sinh), dâm (tà dâm), vọng (nói dối), đạo (trộm cắp) và tửu (uống rượu).

Bồ tát giới là giới luật của Phật giáo Đại thừa cho nên còn gọi là Đại thừa giới, Phật tính giới, Phương đẳng giới, Thiên Phật giới. Bồ tát giới khác với ngũ giới, bát giới, thập giới ở chỗ, các giới đều giữ về “sự”, tức là không được để sự việc xảy ra, còn Bồ tát giới là giới về “tâm”, có nghĩa là ngay tại tâm cũng không có những ý nghĩ sai phạm giới luật quy định. Bồ tát giới có ba giới tịnh gọi là Tam tụ tịnh giới, gồm: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp ích hữu tình giới.

Abstract

**THE VALUES OF TRISIKA AND MOKSA
IN THE BUDDHISM TOWARDS THE LIFE AT PRESENT**

This text presented the basic contents of the Trisiksha or three studies included Sila (rule), Samadhi (concentrating on Buddha), Study of wisdom in comparison with the notion of morality, knowledge of the western philosophers such as Socrates, Jean Jacques Rousseau, Immanuel Kant in order to propose an assessment that the Trisiksha is a combination of morality and knowledge by Dhyana (meditation) to show characteristics of deliverance of the Buddhism.

Keywords: Trisiksha (rule, concentrating on Buddha, study of wisdom), Moksa (deliverance), Buddhism.